TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Năm và Ông Ngô Văn Dương
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 9/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256 /2018/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 về " Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, và quyết định hoãn phiên tòa số 52 ngày 9 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
HKTT: Xóm 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Xóm 7, xã K, huyện T,tỉnh Thanh Hóa.
- Bị đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Đại chỉ: Xóm 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày giữa chị và bị đơn là anh Bùi Xuân T đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã Đ , huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh, chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân T.

Về con chung: Chị T trình bầy vợ chồng anh chị không có con chung với nhau, hiện nay chị cũng không có thai ghén gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Xuân T trình bày anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Trong cuộc sống có lúc vợ chồng có mâu thuẫn do sự khác biệt về quan điểm, thiếu sự quan tâm và động viên lẫn nhau, anh vẫn còn tình cảm và thương yêu chị T, nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng anh, chị đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh T trình bầy vợ, chồng anh chị không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và phần nợ: Anh T thống nhất như lời khai của chị T, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Anh Bùi Xuân T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Tòa án để tham tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do; Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Xuân T đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã Đ huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, động viên lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng anh, chị sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thì thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T cho rằng tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, anh và chị T còn thương yêu nhau, nhưng lại không có biện pháp để gắn kết tình cảm vợ chồng để mặc cho rạn nứt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp. Căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị không có con chung với nhau, hiện nay chị T cũng không có thai ghén gì, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*[5]. Về án phí***:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Bùi Xuân T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện T theo biên lai số AA/2017/0005196 ngày 24 tháng 8 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn. Chị Tđã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
-*UBND xã Đ*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Năm **Ngô Văn Dương** **Lê Thị Thủy**

có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, áp dụng, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Đào Thị Nhung và anh Đào Công Thái đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 3 năm 2016 tại UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị Nhung và anh Thái đều thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét nguyện vọng yêu cầu được ly hôn của anh chị phù hợp với điều 55 luật hôn nhân gia đình.Vì vậy xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Nhung và anh Đào Công Thái.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung với nhau tên cháu là Đào Công Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2015, hiện nay cháu Bảo đang ở cùng anh Thái. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Gia Bảo cho anh Thái tiếp tục được nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, chị Nhung không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh Thái. Vì vậy Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Nhung và anh Thái.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[5]. Về án phí***:** Chị Nhung phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Nhung và anh Đào Công Thái.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Nhung và anh Thái như sau: Giao cháu Đào Công Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2015 cho anh Thái tiếp tục được nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, chị Nhung không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh Thái.

Chị Nhung đ□ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Thái và các thành viên trong gia đình không đ□ợc ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con anh Thái không chăm sóc chu đáo ảnh h□ởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu Bảo, thì chị Nhung có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nhung, anh Thái không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Đào Thị Nhung phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2017/0001221 ngày 5 tháng 6 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn, chị Nhung đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tuyên bố cho chị Đào Thị Nhung được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Công Thái được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
-UBND xã An Nông
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Lê Thị Thủy